

Deloitte.

Bản tin Thuế

Tháng 1 năm 2014



Trong số này:

Văn bản mới

Nghị định mới sửa đổi bổ sung Nghị định 51/2010/NĐ-CP về hoá đơn chứng từ	3
Thông tư mới hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn	3
Thông tư hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ	4
Quy định mới về ưu đãi thuế đối với Dự án sử dụng vốn ODA	5
Thông tư mới hướng dẫn về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế	6
Thông tư hướng dẫn về lộ trình thực hiện hoạt động mua bán phân phối hàng hóa của các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	7

Văn bản hướng dẫn

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)	7
Quyền kế thừa ưu đãi thuế khi tiếp nhận dự án của Công ty mẹ	7
Mua thêm mặt bằng, máy móc thiết bị được xem là đầu tư mở rộng	7
Thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”)	8
Hướng dẫn bổ sung về phương pháp tính thuế GTGT có hiệu lực từ 1/1/2014	8
Hướng dẫn bổ sung về cách tính thuế GTGT theo tỷ lệ %	9
Hướng dẫn quy định sử dụng hóa đơn và phương pháp khấu trừ thuế GTGT có hiệu lực từ 1/1/2014	9
Chính sách thuế khi ngân hàng làm thất lạc chứng từ	10
Sử dụng hóa đơn cho các trường hợp hàng hóa được coi là xuất khẩu	10
Xử lý hóa đơn phát sinh sai sót các chỉ tiêu trên hóa đơn đã lập	10
Thuế Thu nhập cá nhân (“TNCN”)	11
Hướng dẫn quyết toán thuế TNCN năm 2013	11
Chính sách thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn	11
Thuế Xuất Nhập khẩu (“XNK”)	12
Điều kiện về cơ sở sản xuất để áp dụng thời hạn ân hạn thuế 275 ngày	12
Thủ tục hải quan đối với nhà thầu nhập khẩu hàng hóa để xây dựng nhà xưởng cho Doanh nghiệp chế xuất	12
Bỏ lưu sơ đồ thiết kế đối với hàng nhập sản xuất xuất khẩu (NSXXXK)	13
Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất (DNCX)	13

Văn bản mới

Nghị định mới sửa đổi bổ sung Nghị định 51/2010/NĐ-CP về hoá đơn chứng từ

Ngày 17/1/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 04/2014/NĐ-CP (“Nghị định 04”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Dưới đây là một số điểm sửa đổi bổ sung đáng lưu ý trong Nghị định 04 như sau:

- Nghị định sửa đổi quy định về việc chỉ tổ chức có hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp có mã số thuế mới được phép đặt in, tự in hóa đơn để sử dụng cho các hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Hộ, cá nhân kinh doanh và các doanh nghiệp đang sử dụng hóa đơn tự in, đặt in nhưng có hành vi vi phạm về hóa đơn bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế, gian lận thuế hoặc doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế theo quy định tại Luật Quản lý Thuế thì không được sử dụng hóa đơn đặt in, tự in mà phải thực hiện mua hóa đơn của cơ quan Thuế;
- Các tổ chức nhận in hóa đơn; tổ chức cung ứng phần mềm tự in hóa đơn phải báo cáo việc nhận in hóa đơn; cung cấp phần mềm tự in hóa đơn để gửi cơ quan Thuế trực tiếp quản lý theo định kỳ 3 tháng một lần, thay vì 6 tháng như trước đây;
- Bổ sung quy định về việc trường hợp tổ chức tự cung ứng phần mềm tự in hóa đơn để sử dụng thì không đòi hỏi điều kiện phải là doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề lập trình máy vi tính hoặc xuất bản phần mềm trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).



Nghị định 04 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/3/2014

Thông tư mới hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn

Ngày 17/1/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 10/2014/TT-BTC (“Thông tư 10”) hướng dẫn thi hành xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn. Theo đó, có một số hướng dẫn trọng yếu như sau:

- Phạt tiền từ **20.000.000 đồng** đến **50.000.000 đồng** đối với hành vi tự in **hóa đơn giả** và hành vi khởi tạo hóa đơn điện tử giả. Hóa đơn giả là hóa đơn được in hoặc khởi tạo theo hóa đơn đã được phát hành của tổ chức, cá nhân khác hoặc in, khởi tạo trùng số của cùng một ký hiệu hóa đơn. Riêng trường hợp do lỗi khách quan của phần mềm tự in được xác định do lỗi tự thân của phần mềm tự in hóa đơn (như do virus...), không có sự can thiệp của con người thì chỉ xử phạt cảnh cáo đơn vị cung cấp phần mềm tự in hóa đơn.
- Trường hợp việc đặt in hóa đơn đã được ký hợp đồng bằng văn bản nhưng hợp đồng in không đầy đủ nội dung hoặc tổ chức nhận in hóa đơn đã ký quyết định tự in hóa đơn với nội dung không đầy đủ theo quy định thì chỉ

phạt cảnh cáo. Nếu bên đặt in và bên nhận đặt in hóa đơn đã ký phụ lục hợp đồng bổ sung các nội dung còn thiếu, tổ chức nhận in hóa đơn ký quyết định bổ sung các nội dung còn thiếu trước khi cơ quan Thuế công bố quyết định kiểm tra, thanh tra. Ngược lại, sẽ áp dụng phạt tiền ở mức tối thiểu của khung tiền phạt là **2.000.000 đồng**.

- Trường hợp người bán có hành vi vi phạm **không** lập Thông báo phát hành hóa đơn trước khi hóa đơn được đưa vào sử dụng nhưng các hóa đơn này vẫn gắn với nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đã chấp hành Quyết định xử phạt của cơ quan Thuế, thì người mua hàng được sử dụng hóa đơn để kê khai, khấu trừ, tính vào chi phí theo quy định.
- Phạt tiền từ **4.000.000 đồng** đến **8.000.000 đồng** đối với hành vi lập hóa đơn **không đúng thời điểm**. Riêng trường hợp việc lập hóa đơn không đúng thời điểm không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế và có tình tiết giảm nhẹ thì chỉ tiến hành phạt cảnh cáo. Trường hợp không có tình tiết giảm nhẹ thì phạt tiền ở mức tối thiểu 4.000.000 đồng.
- Phạt tiền từ **4.000.000 đồng** đến **8.000.000 đồng** đối với hành vi lập **sai loại hóa đơn** theo quy định. Riêng trường hợp việc lập sai loại hóa đơn theo quy định và đã giao cho người mua hoặc đã kê khai thuế, bên bán và bên mua phát hiện việc lập sai loại hóa đơn và lập lại loại hóa đơn đúng theo quy định trước khi Cơ quan Thuế công bố quyết định thanh tra, kiểm tra và không ảnh hưởng đến việc xác định nghĩa vụ thuế thì chỉ tiến hành phạt cảnh cáo.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 2/3/2014.

Thông tư hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ

Ngày 24/12/2013 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 205/2013/TT-BTC (“Thông tư 205”) hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ, có hiệu lực thi hành tại Việt Nam.

Thông tư 205 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 6/2/2014, thay thế Thông tư số 133/2004/TT-BTC ngày 31/12/2004 của Bộ Tài chính. Các thủ tục áp dụng Hiệp định được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý Thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

So với quy định trước đây tại Thông tư số 133/2004/TT-BTC, Thông tư 205 bổ sung thêm quy định về **một số trường hợp Cơ quan Thuế Việt Nam từ chối tiếp nhận người nộp thuế áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần**. Cụ thể gồm các trường hợp sau:

1. Người nộp thuế đề nghị áp dụng Hiệp định đối với số thuế đã phát sinh quá **ba (3) năm** trước thời điểm đề nghị áp dụng Hiệp định.

Ví dụ: Trong giai đoạn từ 2006 đến 2012, doanh nghiệp V của Việt Nam hàng năm có thu nhập từ tiền bản quyền tại Malaysia và hàng năm đều đã nộp thuế tại Malaysia theo quy định tại Hiệp định giữa Việt Nam và Malaysia. Vào ngày 1/10/2012, doanh nghiệp V nộp hồ sơ đề nghị khấu trừ thuế theo Hiệp định giữa Việt Nam và Malaysia đối với toàn bộ số thuế đã nộp tại Malaysia trong giai đoạn từ 2006 đến 2012. Trong



trường hợp này, Cơ quan Thuế Việt Nam chỉ xem xét khấu trừ thuế tại Việt Nam đối với số tiền đã nộp cho số thuế phát sinh tại Malaysia trong giai đoạn 3 năm từ ngày 1/10/2009 đến ngày 1/10/2012.

2. Khi mục đích chính của các hợp đồng hoặc các thỏa thuận là để được hưởng miễn hoặc giảm thuế theo Hiệp định.
3. Người đề nghị áp dụng Hiệp định không phải là người chủ sở hữu thực hưởng của khoản thu nhập mà số thuế liên quan đến khoản thu nhập đó được đề nghị miễn, giảm theo Hiệp định.

Chi tiết các trường hợp, một đối tượng sẽ không được coi là một người chủ sở hữu thực hưởng được trình bày tại điểm a, b, c, d, đ, e, g Khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

Quy định mới về ưu đãi thuế đối với Dự án sử dụng vốn ODA

Ngày 3/12/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 181/2013/TT-BTC (“Thông tư 181”) hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

Một trong những điểm mới của Thông tư 181 là bổ sung thêm các quy định về chính sách thuế đối với dự án sử dụng nguồn vốn từ nhiều hình thức tài trợ khác nhau (ODA và vốn vay ưu đãi). Theo đó, đối với dự án sử dụng nguồn vốn từ nhiều hình thức tài trợ khác nhau, nếu các nguồn vốn được tài trợ theo Hiệp định tài trợ riêng hoặc được giải ngân riêng cho từng

hoạt động cụ thể của dự án thì chính sách thuế được áp dụng riêng cho từng loại nguồn vốn. Trường hợp không có Hiệp định tài trợ riêng hoặc giải ngân riêng cho từng hoạt động cụ thể của từng nguồn vốn thì chính sách thuế áp dụng đối với dự án thực hiện theo chính sách thuế của nguồn vốn có chính sách thuế kém ưu đãi nhất.

Ngoài ra, Thông tư 181 còn bổ sung quy định về hoàn thuế Giá trị gia tăng (“thuế GTGT”) đối với dự án ODA không hoàn lại có một phần nguồn vốn trong nước. Cụ thể, trường hợp dự án ODA viện trợ không hoàn lại có cơ cấu vốn một phần là nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, một phần là vốn đối ứng từ Ngân sách nhà nước, vốn đóng góp của nhân dân (phần vốn này được quy định để thực hiện một phần công việc của dự án nhưng không được quy định để trả thuế GTGT) thì Chủ dự án hoặc nhà thầu chính được hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ được mua từ phần nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại để phục vụ dự án, không được hoàn thuế GTGT đối với phần hàng hóa dịch vụ mua bằng nguồn vốn đối ứng từ NSNN và vốn đóng góp của nhân dân. Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại, nhà thầu chính phải hạch toán riêng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ được mua từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, nếu không hạch toán riêng được thì Chủ dự án không được hoàn thuế GTGT, nhà thầu chính sẽ được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào theo quy định.

Thông tư 181 có hiệu lực kể từ ngày 17/1/2014, thay thế Thông tư số 123/2007/TT-BTC ngày 23/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Đối với các dự án ODA được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì việc xác định nghĩa vụ thuế, ưu đãi thuế thực hiện như hướng dẫn tại Thông tư số 123/2007/TT-BTC cho đến khi kết thúc dự án.

Thông tư mới hướng dẫn về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế

Ngày 31/12/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 215/2013/TT-BTC (“Thông tư 215”) hướng dẫn thi hành Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 (“Nghị định 129”) về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Thông tư 215 có hiệu lực thi hành từ ngày 21/2/2014 và thay thế Thông tư số 157/2007/TT-BTC ngày 24/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Chúng tôi xin tóm tắt một số nội dung chính của Thông tư 215 như sau:

Các trường hợp sau đây sẽ bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế:

- Người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế đã quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, hết thời hạn gia hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý Thuế.
- Người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế có hành vi bỏ trốn, tẩu tán tài sản.
- Người nộp thuế không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được

quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế

- Tổ chức tín dụng không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định của Luật Quản lý Thuế và Luật Xử lý vi phạm hành chính.
- Tổ chức bảo lãnh nộp tiền thuế cho người nộp thuế: quá thời hạn quy định 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày hết hạn nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế.
- Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước cấp huyện không thực hiện việc trích chuyển tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế mở tại Kho bạc Nhà nước để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế của cơ quan Thuế.
- Tổ chức, cá nhân có liên quan không chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế của cơ quan có thẩm quyền.

Các biện pháp cưỡng chế thuế:

- Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng; yêu cầu phong tỏa tài khoản.
- Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập.
- Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng.
- Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo quy định của pháp luật để thu tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước.
- Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ.

Văn bản hướng dẫn

- Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề.

Thông tư hướng dẫn về lộ trình thực hiện hoạt động mua bán phân phối hàng hóa của các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Ngày 24/12/2013, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 34/2013/TT-BCT hướng dẫn về lộ trình thực hiện hoạt động mua bán phân phối hàng hóa của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Theo đó, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối đối với hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa quy định lần lượt tại Phụ lục số 01, 02 và 03 của Thông tư. Cụ thể:

- Phụ lục 1: Danh mục hàng hóa không được cấp phép quyền xuất khẩu (chủ yếu là dầu mỏ thuộc các mã số 2709.00.10, 2709.00.20 và 2709.00.90)
- Phụ lục 2: Danh mục hàng hóa không cấp phép quyền nhập khẩu (Xi gà; Thuốc lá; Dầu có nguồn gốc dầu mỏ; Sách báo; Băng đĩa; Phương tiện bay và các bộ phận)
- Phụ lục 3: Danh mục hàng hóa không cấp phép quyền phân phối (Lúa gạo; Đường; Thuốc lá; Dầu thô; Dược phẩm; Thuốc nổ; Sách báo; Kim loại quý, đá quý; Vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu)

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 5/2/2014, thay thế Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Quyền kế thừa ưu đãi thuế khi tiếp nhận dự án của Công ty mẹ

Theo Công văn 4294/TCT-CS ngày 10/12/2013 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế đối với quyền kế thừa ưu đãi thuế khi tiếp nhận dự án từ công ty mẹ, trường hợp Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp là dự án đầu tư mở rộng quy mô của Công ty mẹ, sau đó Công ty mẹ giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dự án nêu trên cho Công ty con (*Công ty con do Công ty mẹ góp vốn thành lập*) thì việc xem xét ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với thu nhập phát sinh từ dự án được xác định như sau:

- Nếu Công ty con kế thừa toàn bộ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Công ty mẹ liên quan đến dự án đầu tư nêu trên; đồng thời Công ty con thực hiện đầu tư xây dựng và hạch toán chi phí, doanh thu từ dự án ngay sau khi thành lập thì Công ty con được kế thừa ưu đãi thuế TNDN của Công ty mẹ liên quan đến dự án cho thời gian còn lại.
- Nếu trong quá trình đang hoạt động, Công ty con tiếp nhận thực hiện Dự án thì Công ty con hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập tăng thêm từ dự án theo diện đầu tư mở rộng quy mô.

Mua thêm mặt bằng, máy móc thiết bị được xem là đầu tư mở rộng

Điểm 6 Phần I Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính quy định: “6.

Doanh nghiệp đang hoạt động từ năm 2009 có dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất thì phần thu nhập từ dự án đầu tư này sẽ không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp."

Theo đó, trường hợp Công ty thành lập năm 2008, trong năm 2009, Công ty mua thêm mặt bằng, công trình xây dựng, máy móc, thiết bị sản xuất để thực hiện Dự án thì Công ty đã thực hiện đầu tư mở rộng quy mô, phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng nêu trên không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trên đây là nội dung Công văn số 4475/TCT-CS ngày 19/12/2013 của Tổng cục Thuế.

Thuế Giá trị gia tăng ("GTGT")

Hướng dẫn bổ sung về phương pháp tính thuế GTGT có hiệu lực từ 1/1/2014

Ngày 18/12/2013, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 17557/BTC-TCT gửi đến Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai thực hiện một số quy định có hiệu lực từ 1/1/2014 tại Luật thuế GTGT sửa đổi, bổ sung. Theo đó, mức doanh thu từ **một tỷ đồng** trở lên là doanh thu bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT trong năm 2013 làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ năm 2014.

Cụ thể, Bộ Tài chính hướng dẫn xác định mức doanh thu năm 2013 như sau:

- Đối với doanh nghiệp đã có hoạt động kinh doanh từ trước năm 2013 thì mức doanh thu năm 2013 làm căn cứ xác định phương pháp nộp thuế GTGT của năm 2014 được xác định căn cứ vào tổng cộng chỉ tiêu "Tổng doanh thu của HHDV bán ra chịu thuế GTGT" trên Tờ khai thuế GTGT tháng của kỳ khai thuế từ tháng 12/2012 đến hết tháng 11/2013.
- Đối với doanh nghiệp mới thành lập trong năm 2013 hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 không đủ 12 tháng thì xác định doanh thu ước tính của năm như sau: Tổng cộng chỉ tiêu "Tổng doanh thu của HHDV bán ra chịu thuế GTGT" trên Tờ khai thuế GTGT của các tháng hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 chia số tháng hoạt động sản xuất kinh doanh và nhân với (x) 12 tháng.

Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng hướng dẫn phương pháp tính thuế GTGT năm 2014 như sau:

- Trường hợp mức doanh thu năm 2013 dưới 1 tỷ, doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, sổ sách, hoá đơn, chứng từ và có Thông báo gửi cơ quan Thuế về việc đăng ký áp dụng phương pháp khấu trừ để tính thuế GTGT thì doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ trong năm 2014.
- Trường hợp mức doanh thu năm 2013 dưới 1 tỷ và doanh nghiệp không đăng ký tự nguyện để áp dụng phương pháp khấu trừ thuế thì đề nghị Cục Thuế tỉnh, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp chuyển sang áp dụng phương pháp trực tiếp và sử dụng hóa đơn bán hàng khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ ngày 1/1/2014.



Thông báo gửi cơ quan Thuế về việc đăng ký áp dụng phương pháp khấu trừ để tính thuế GTGT phải gửi đến Cơ quan Thuế trước ngày 31/12/2013. Từ ngày 1/1/2014 cơ quan Thuế sẽ rà soát những doanh nghiệp không đăng ký áp dụng phương pháp khấu trừ, nếu phát hiện việc sử dụng hóa đơn GTGT không đúng quy định của pháp luật thì sẽ có biện pháp xử lý kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

Hướng dẫn bổ sung về cách tính thuế GTGT theo tỷ lệ %

Ngày 25/12/2013, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 17963/BTC-TCT gửi đến Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc tính thuế GTGT theo tỷ lệ %. Theo đó, trong khi chờ Bộ Tài chính ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật, Bộ Tài chính hướng dẫn việc tính thuế GTGT theo tỷ lệ % như sau:

- Doanh thu để tính thuế GTGT theo tỷ lệ % được xác định là tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán hàng bao gồm cả thuế GTGT, các khoản phụ thu, phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.
- Bên cạnh đó, cơ sở kinh doanh nhiều ngành nghề có mức tỷ lệ khác nhau phải khai thuế GTGT theo từng nhóm ngành nghề tương ứng với các mức tỷ lệ theo quy định; trường hợp người nộp thuế không xác định được doanh thu theo từng nhóm ngành nghề hoặc trong một hợp đồng kinh doanh trọn gói bao gồm các hoạt động tại nhiều nhóm tỷ lệ khác nhau mà không tách được thì sẽ áp dụng mức tỷ lệ **cao nhất** của nhóm ngành nghề mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Ngoài ra, Công văn cũng đưa ra danh mục chi tiết các ngành nghề tính thuế theo tỷ lệ % như sau:

- ✓ Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%;
- ✓ Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;
- ✓ Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;
- ✓ Hoạt động kinh doanh khác: 2%.

Hướng dẫn quy định sử dụng hóa đơn và phương pháp khấu trừ thuế GTGT có hiệu lực từ 1/1/2014

Ngày 27/12/2013, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 18128/BTC-TCT gửi đến Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai thực hiện một số quy định có hiệu lực từ 1/1/2014 tại Luật thuế GTGT sửa đổi, bổ sung. Theo đó, đối với trường hợp chuyển sang áp dụng phương pháp trực tiếp từ ngày 1/1/2014 thì không được tiếp tục sử dụng hóa đơn GTGT.

Trường hợp cơ sở kinh doanh không đủ thời gian đặt in hóa đơn bán hàng thì Cục thuế xem xét bán hóa đơn để cơ sở kinh doanh đủ dùng trong thời gian 2 tháng (Tháng 1, Tháng 2 năm 2014).

Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp hạch toán kế toán đầy đủ, xác định được thuế GTGT đầu vào, đầu ra tự nguyện đăng ký áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT thì được chấp thuận.



Trường hợp người nộp thuế tự xác định đủ điều kiện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT năm 2014 thì thời gian ổn định áp dụng phương pháp khấu trừ là hai năm (2014, 2015). Trường hợp khi thanh tra, kiểm tra cơ quan Thuế xác định ngưỡng doanh thu năm 2013 dưới 1 tỷ thì cũng không yêu cầu người nộp thuế thay đổi lại phương pháp tính thuế đã áp dụng và ổn định trong hai năm 2014, 2015. Tuy nhiên khi xác định mức doanh thu năm 2015 để làm căn cứ áp dụng phương pháp tính thuế GTGT của năm 2016, Cục Thuế cần yêu cầu người nộp thuế rà soát tính toán mức doanh thu theo thực tế phát sinh kết hợp với kết quả thanh tra, kiểm tra để xác định phù hợp.

Chính sách thuế khi ngân hàng làm thất lạc chứng từ

Trường hợp hóa đơn GTGT mua tài sản của doanh nghiệp (bên mua) bị thất lạc do bên bán gửi hóa đơn bản gốc liên 2 cho ngân hàng để hai bên thực hiện thanh toán theo hình thức thư tín dụng (L/C) - Ngân hàng làm thất lạc hóa đơn sau đó tìm lại được (có xác nhận của Ngân hàng về việc thất lạc hóa đơn và tìm lại được) và bên bán đã xác nhận kê khai, nộp đủ tiền thuế GTGT đầu ra của hóa đơn nêu trên thì bên mua vẫn được kê khai, khấu trừ số thuế GTGT đối với hóa đơn này nếu tài sản được phục vụ hoạt động kinh doanh chịu thuế GTGT của bên mua theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn của Tổng cục Thuế tại Công văn số 4558/TCT-CS ngày 23/12/2013.

Sử dụng hóa đơn cho các trường hợp hàng hóa được coi là xuất khẩu

Ngày 6/1/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 176/BTC-TCT gửi đến Cục Thuế và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc sử dụng hóa đơn cho hàng xuất khẩu tại chỗ, gia công chuyển tiếp và các trường hợp được coi là xuất khẩu. Theo đó, từ ngày 1/7/2013 đến ngày Thông tư số 128/2013/TT-BTC có hiệu lực thi hành (1/11/2013) nếu cơ sở kinh doanh sử dụng hóa đơn xuất khẩu cho hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ, gia công chuyển tiếp và cơ quan Hải quan đã chấp thuận mở tờ khai hải quan thì đề nghị cơ quan Thuế không yêu cầu doanh nghiệp thu hồi hóa đơn đã lập.

Xử lý hóa đơn phát sinh sai sót các chỉ tiêu trên hóa đơn đã lập

Ngày 17/1/2014, Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 219/TCT-CS về việc xử lý sai sót các chỉ tiêu trên hóa đơn đã lập nhưng không ảnh hưởng đến doanh thu và số thuế GTGT phải nộp. Theo đó, trường hợp hóa đơn đã lập ghi sai tên, mã số thuế, địa chỉ, tên hàng hóa, dịch vụ, mà những chỉ tiêu sai này không ảnh hưởng đến doanh thu và số thuế phải nộp thì Cơ quan Thuế căn cứ tình hình thực tế từng trường hợp sai sót để có hướng dẫn xử lý cụ thể. Người nộp thuế phải chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung thông tin đã kê khai với Cơ quan Thuế.



Thuế Thu nhập cá nhân (“TNCN”)

Hướng dẫn quyết toán thuế TNCN năm 2013

Ngày 24/1/2014, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 336/TCT-TNCN (“Công văn 336”) hướng dẫn quyết toán Thuế TNCN cho năm 2013.

Nhìn chung, quy trình quyết toán Thuế TNCN năm 2013 có một số điểm thay đổi đáng kể so với các năm trước đây do những quy định mới được ban hành tại Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC (“Thông tư 111”) có hiệu lực kể từ ngày 1/10/2013 cũng như các hướng dẫn về quản lý thuế tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC (“Thông tư 156”) có hiệu lực kể từ ngày 20/12/2013.

Chi tiết các nội dung cần lưu ý trong Công văn 336 đã được chúng tôi cập nhật trong Bản tin nhanh về Thuế ngày 27/1/2014.

Chính sách thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

Theo quy định về hiện hành về Thuế TNCN (Thông tư số 111/2013/TT-BTC và trước đây là Thông tư số 84/2008/TT-BTC), khi chuyển nhượng vốn, cá nhân người chuyển nhượng phải chịu thuế đối với (i) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn và (ii) Thu nhập từ đầu tư vốn.

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn là phần chênh lệch giữa giá trị phần vốn theo sổ sách kế toán và giá chuyển nhượng theo hợp đồng; Thu nhập từ đầu tư vốn là phần tăng thêm của giá trị vốn góp nhận được khi rút vốn.

Theo tinh thần trên, ngày 27/12/2013, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 4645/TCT-TNCN hướng dẫn cách xác định thuế TNCN đối với giao dịch chuyển nhượng vốn góp từ cá nhân A sang cá nhân B, theo đó, giao dịch này sẽ thuộc đối tượng phải kê khai và nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn, cụ thể như sau:

- Đối với thu nhập từ đầu tư vốn: Thu nhập tính thuế đối với phần tăng thêm của giá trị vốn góp là toàn bộ lợi tức ghi tăng vốn trong khoảng thời gian từ khi góp vốn đến khi thực hiện chuyển nhượng vốn.
- Đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn: Thu nhập tính thuế được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ giá mua của phần vốn góp và các chi phí liên quan. Giá mua của phần vốn góp trong trường hợp này là giá trị vốn góp được xác định trên sổ sách kế toán, bao gồm vốn góp ban đầu, vốn góp tiếp theo và giá trị lợi tức ghi tăng vốn (là thu nhập để tính thuế TNCN từ đầu tư vốn nêu trên)

Thuế Xuất Nhập khẩu (“XNK”)

Điều kiện về cơ sở sản xuất để áp dụng thời hạn ân hạn thuế 275 ngày

Theo Công văn số 437/BTC-TCHQ ngày 10/1/2014 của Bộ Tài chính gửi Cục Hải quan các tỉnh thành phố, Bộ Tài chính yêu cầu Tổng cục Hải quan chỉ đạo Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện “kiểm tra cơ sở sản xuất để áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu”. Theo đó, doanh nghiệp đáp ứng điều kiện thời hạn ân hạn nộp thuế 275 ngày phải là doanh nghiệp thỏa mãn các tiêu chí sau:

- Doanh nghiệp phải có quyền sử dụng hợp pháp đối với mặt bằng sản xuất, nhà xưởng, bao gồm các trường hợp được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định; hoặc được các doanh nghiệp kinh doanh phát triển cơ sở hạ tầng tại KCX, KCN, KCN cao, Khu Kinh tế... cho thuê đất theo quy định của pháp luật. Hợp đồng thuê đất và nhà xưởng gắn liền trên đất phải kéo dài hơn thời hạn hợp đồng sản xuất sản phẩm xuất khẩu.
- Doanh nghiệp phải có quyền sở hữu hợp pháp đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất (trực tiếp đầu tư máy móc, thiết bị) phù hợp với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu tại bản cam kết về cơ sở sản xuất.

Thủ tục hải quan đối với nhà thầu nhập khẩu hàng hóa để xây dựng nhà xưởng cho Doanh nghiệp chế xuất

Ngày 7/1/2014, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 271/BTC-TCHQ khẳng định “trường hợp các nhà thầu chính, nhà thầu phụ nhập khẩu hàng hóa để xây dựng nhà xưởng, văn phòng làm việc cho Doanh nghiệp chế xuất (“DNCX”) thì số hàng hóa nhập khẩu đó cũng thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu và thuế GTGT”. Theo đó, thủ tục chi tiết thực hiện như sau:

- Trước khi nhập khẩu hàng hóa, DNCX phải có văn bản đề nghị nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định kèm theo Danh mục hàng hóa (chi tiết tên hàng, lượng hàng, chủng loại) gửi cơ quan Hải quan để làm thủ tục nhập khẩu theo quy định. Các nhà thầu chính, nhà thầu phụ sử dụng danh mục do Công ty đã đăng ký với cơ quan Hải quan để nhập khẩu hàng hóa.
- Nơi mở tờ khai hải quan: tại Chi cục Hải quan quản lý DNCX.
- Hàng hóa từ nước ngoài phải được vận chuyển thẳng đến DNCX, không được nhập khẩu vào nội địa; các nhà thầu không phải làm thủ tục hải quan tái xuất vào DNCX cho chủ đầu tư.
- Sau khi kết thúc xây dựng công trình, DNCX

phải thực hiện báo cáo quyết toán đối với hàng hóa nhập khẩu để xây dựng công trình với cơ quan Hải quan theo quy định.

Bỏ lưu sơ đồ thiết kế đối với hàng nhập sản xuất xuất khẩu (NSXXK)

Theo qui định tại khoản 3 Điều 37 Thông tư số 128/2013/TT-BTC, doanh nghiệp phải nộp sơ đồ thiết kế mẫu hoặc quy trình sản xuất (nếu có), sơ đồ giác mẫu hoặc mẫu rập (đối với dệt may, da giày) khi thông báo định mức với Hải quan. Tuy nhiên, gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc bỏ lưu sơ đồ thiết kế mẫu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất, sơ đồ giác mẫu hoặc mẫu rập (đối với dệt may, da giày) đối với loại hình gia công, SXKK tại cơ quan hải quan. Theo đó, doanh nghiệp chỉ cần lưu sơ đồ thiết kế, quy trình sản xuất, sơ đồ giác mẫu, mẫu rập ... tại doanh nghiệp theo quy định và xuất trình khi cơ quan Hải quan có yêu cầu.

Trên đây là nội dung Công văn số 18239/BTC-TCHQ ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất (DNCX)

Khoản 9 Điều 1 Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ



sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định cụ thể "*Doanh nghiệp chế xuất được cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Việt Nam phải thành lập chi nhánh riêng nằm ngoài doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất để thực hiện hoạt động này*".

Vi vậy, Tổng cục Hải quan đề nghị Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trong thời gian chưa ban hành Thông tư hướng dẫn thì căn cứ quy định khoản 9 Điều 1 Nghị định 164/2013/NĐ-CP nêu trên để hướng dẫn DNCX khi thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu theo quyền nhập khẩu, xuất khẩu.

Trên đây là nội dung Công văn số 1047/TCHQ-GSQL ngày 27/1/2013 của Tổng cục Hải quan hướng dẫn về việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất.

Liên hệ

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin mời liên hệ:

Thomas McClelland

Phó Tổng giám đốc
phụ trách dịch vụ
Tư vấn Thuế
Tel: +84 8 3910 0751
tmcclelland@deloitte.com

Bùi Ngọc Tuấn

Phó Tổng Giám đốc
Tư vấn Thuế
Tel: +84 4 6268 3568
tbui@deloitte.com

Bùi Tuấn Minh

Phó Tổng Giám đốc
Tư vấn Thuế
Tel: +84 4 6268 3568
mbui@deloitte.com

Phan Vũ Hoàng

Phó Tổng giám đốc
Tư vấn Thuế
Tel: +84 8 3910 0751
hoangphan@deloitte.com

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

Văn phòng TP Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750

www.deloitte.com/vn

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung, và không một hãng Deloitte Touche Tohmatsu Limited, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con (sau đây được gọi chung là “Mạng lưới các công ty Deloitte”) được xem là, trong phạm vi của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những tư vấn về chuyên môn. Trước khi đưa ra một quyết định hoặc thực hiện một hành động có thể ảnh hưởng đến vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh cá nhân, người sử dụng tài liệu cần tham vấn chuyên gia (công ty) tư vấn có chuyên môn. Không một hãng thành viên nào thuộc Mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại do kết quả của việc người đọc dựa vào tài liệu này.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Deloitte cung cấp các dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, tư vấn và giải pháp tài chính doanh nghiệp cho các khách hàng tư nhân hoặc các công ty công hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Với mạng lưới các hãng thành viên kết nối toàn cầu tại hơn 150 quốc gia, Deloitte mang đến năng lực đẳng cấp toàn cầu và am hiểu sâu sắc thị trường bản địa, góp phần vào sự thành công của khách hàng có hoạt động kinh doanh tại bất kỳ khu vực nào trên thế giới. Deloitte có khoảng 200.000 chuyên gia tư vấn cam kết cung cấp các giải pháp tối ưu đến khách hàng.

Giới thiệu về Deloitte Đông Nam Á

Deloitte Đông Nam Á là một hãng thành viên của Deloitte hoạt động tại Brunei, Guam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam được thành lập để cung cấp những dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu cụ thể của các công ty, tập đoàn lớn có tốc độ phát triển nhanh trong khu vực.

Với hơn 250 Partners và 6.000 nhân viên chuyên nghiệp làm việc tại 23 văn phòng, các chuyên gia của Deloitte Đông Nam Á kết hợp kỹ thuật chuyên môn sâu rộng cùng sự am hiểu về nhiều lĩnh vực để cung cấp các dịch vụ chất lượng cao và nhất quán trong toàn khu vực.

Tất cả các dịch vụ chuyên nghiệp được cung cấp thông qua mạng lưới các văn phòng, chi nhánh của hãng Deloitte Đông Nam Á hoạt động một cách độc lập về mặt pháp lý.

Giới thiệu về Deloitte Việt Nam

Deloitte Việt Nam là Công ty Tư vấn và Kiểm toán đầu tiên tại Việt Nam được thành lập cách đây hơn 20 năm và là một phần của mạng lưới Deloitte toàn cầu, một trong những hãng cung cấp dịch vụ chuyên ngành lớn nhất trên thế giới. Với hơn 700 nhân viên làm việc tại văn phòng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được tiếp cận với toàn bộ thế mạnh của Deloitte Đông Nam Á với các hãng thành viên tại Brunei, Guam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan, thông qua mạng lưới rộng lớn này, Deloitte Việt Nam cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng tới khách hàng bao gồm Dịch vụ tư vấn Thuế, Tư vấn Tài chính, Tư vấn Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp, Tư vấn Quản trị Kinh doanh và các vấn đề quốc gia, Kiểm toán, và các Dịch vụ Đào tạo chuyên ngành.